

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 007/MSC/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“MSC”)

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà MPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 625 55660 Fax: (028) 381 09463

E-mail: thongbao@msc.masangroup.com

Mã số doanh nghiệp: 0302017440

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CHÁO TIM GAN CHIN-SU

2. Thành phần: Nước, ruột non heo, gạo 56,6 g/kg, huyết heo, thịt dãi heo, gan heo 29,8 g/kg, bao tử heo, tim heo 24,6 g/kg, phổi heo, thịt heo, cuống họng heo, đậu xanh 13,9 g/kg, lá lách heo, hành lá, hạt nêm, bột thịt gà, dầu cọ, chất điều vị (621, 635), hành tím, bột tiêu, đường, nước mắm, ngò gai, húng lủi, húng quế, ngò rí, muối, mắm tôm

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Phương án đóng gói 1: Sản phẩm được chứa trong bao bì màng phức hợp đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế & được đóng gói hộp giấy. Các hộp giấy được đóng vào thùng carton.

- Phương án đóng gói 2: Sản phẩm được chứa trong bao bì màng phức hợp đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. Các gói được đóng vào thùng carton.

- Quy cách đóng gói:

- Gói/ Hộp: Khối lượng tịnh: 300 g
- Thùng chứa hộp: Khối lượng tịnh: 9 kg (30 hộp x 300 g)
- Thùng chứa gói: Khối lượng tịnh: 9 kg (30 gói x 300 g)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

A: Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan

Lô 06, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty



1.

Z : Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam

Lô CN-02, khu công nghiệp Đồng Văn IV, xã Đại Cường, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, Việt Nam

(địa chỉ sản xuất được mã hóa thành các ký tự in hoa, in gần khu vực thông tin NSX – HSD)

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm các loại ngũ cốc và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bao gồm cả sản phẩm ngũ cốc đã qua chế biến; ngũ cốc sử dụng làm thực phẩm, các sản phẩm ngũ cốc (đã và chưa qua chế biến)
2. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế cho nhóm ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc; sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu đỗ (dùng trực tiếp, không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng).
3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC



Nguyễn Hoàng Yến

Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

2



Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 007/MSC/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN	NHÓM SẢN PHẨM CHÁO	Số TCCS 34:2020/MS101
	CHÁO TIM GAN CHIN-SU	Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: dạng sánh sệt, hạt cháo nở đều, có đậu xanh, tim heo, gan heo, bao tử heo, ...
- Màu sắc: màu sắc đặc trưng
- Mùi, vị: mùi vị đặc trưng
- Trạng thái đặc trưng khác nếu có: không.

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng lipid của gói/hộp cháo	% khối lượng	1,5 – 2,9
2	Hàm lượng protein của gói/hộp cháo	% khối lượng	3,2 – 6,0
3	Hàm lượng carbohydrate của gói/hộp cháo	% khối lượng	4,4 – 8,1
4	Giá trị năng lượng của gói/hộp cháo	kcal/100 g	44,3 – 82,2

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật (*tính trên sản phẩm*): theo Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế cho nhóm ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc; sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu đỗ (dùng trực tiếp, không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng) và tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 ²
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10
		Hoặc MPN/g	3
4	Coliforms	CFU/g	10
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10
6	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
7	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10
8	<i>Samonella</i>	CFU/25 g	Không có

Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

4. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm các loại ngũ cốc và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bao gồm cả sản phẩm ngũ cốc đã qua chế biến; ngũ cốc sử dụng làm thực phẩm, các sản phẩm ngũ cốc (đã và chưa qua chế biến):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Hàm lượng aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3

5. **Danh mục phụ gia thực phẩm:** tra cứu theo Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 16.0 Thực phẩm hỗn hợp

TT	Tên phụ gia	Chú thích
1	Mononatri Lglutamat (621)	
2	Dinatri 5'- ribonucleotid (635)	



Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

80±0.5

CHIN-SU®

NEON TRO TANG

CHÁO TIM GAN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Sản phẩm đã được nấu chín và có thể dùng ngay. Ngon hơn khi hâm nóng.

- Bềng lò vi sóng:
Mở gói cháo và cho vào tô. Hâm nóng bằng lò vi sóng trong **1 phút**



- Bềng nước nóng:
Ngâm gói cháo trong nước sôi **3-5 phút**. Mở gói cháo và cho vào tô



 Không bỏ trực tiếp gói cháo vào lò vi sóng.
Cẩn thận khi tiếp xúc với sản phẩm sau khi hâm nóng vì nhiệt độ cao có thể gây bỏng.
Không dùng khi sản phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc hư hỏng bao bì như rách, xẹp, căng phồng, mốc,...

BGST00790



CHIN-SU®

NEON TRO TANG

CHÁO TIM GAN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Sản phẩm đã được nấu chín và có thể dùng ngay. Ngon hơn khi hâm nóng.

- Bềng lò vi sóng:

Mở gói cháo và cho vào tô. Hâm nóng bằng lò vi sóng trong **1 phút**.



- Bềng nước nóng:

Ngâm gói cháo trong nước sôi **3-5 phút**. Mở gói cháo và cho vào tô



 Không bỏ trực tiếp gói cháo vào lò vi sóng.

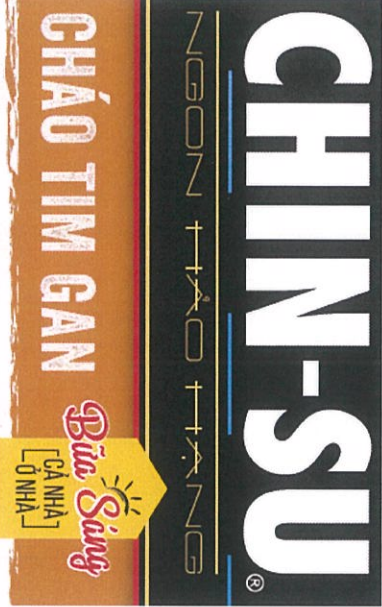
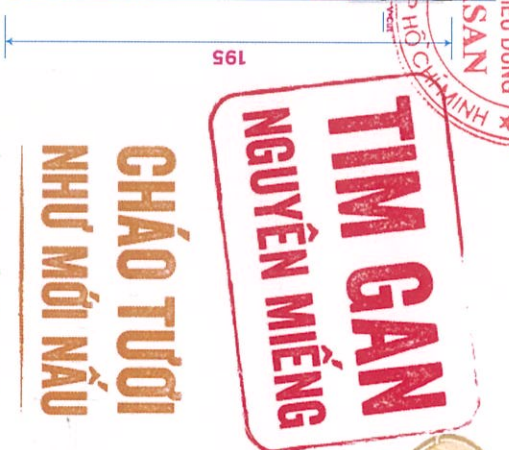
Cẩn thận khi tiếp xúc với sản phẩm sau khi hâm nóng vì nhiệt độ cao có thể gây bỏng.

Không dùng khi sản phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc hư hỏng bao bì như rách, xẹp, căng phồng, mốc,...

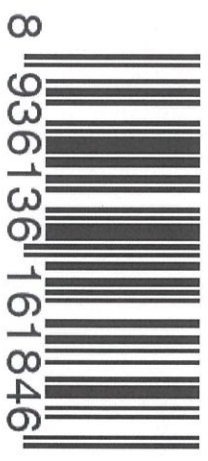
Mã kiểm soát AW: BGST00790.34.2020.MS101

Ver: 01. Ngày thiết kế: 16/7/2020

BGST00790



Mã kiểm soát A.W: BNTU00539.34.2020.MS101
Ver: 01. Ngày thiết kế: 16/7/2020



BNTU00539

KHÔNG CHẤT BẢO QUẢN^(*)
 KHÔNG MÀU VÀ MÙI NHÂN TẠO^(*)
MỜ RA, DÙNG NGAY

(*) Được xác định là không thêm chất bảo quản, chất tạo màu tổng hợp, hương liệu tổng hợp trong quá trình sản xuất và đóng gói tại công ty.
Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

THÀNH PHẦN: Nước, ruột non heo, gạo 56,6 g/kg, huyết heo, thịt dãi heo, gan heo 29,8 g/kg, bao tử heo, tim heo 24,6 g/kg, phổi heo, thịt heo, cuống họng heo, đậu xanh 13,9 g/kg, lá lách heo, hành lá, hạt nêm, bột thịt gà, dầu cò, chất điều vị (621, 635), hành tím, bột tiêu, đường, nước mắm, ngò gai, húng lủi, húng quế, ngò ri, muối, mắm tôm.
Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ thủy sản

Sản phẩm chất lượng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan Tầng 12, tòa nhà MPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Sản xuất tại Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, Không dành cho xuất khẩu. Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Tư vấn khách hàng: **1800 6068**

Khối lượng tịnh: **300 g**

Giá trị dinh dưỡng trung bình có trong 1 gói 300 g:

Protein/ Chất đạm 13,8 g; Lipid/ Chất béo 6,6 g; Carbohydrate/ Carbohydrat 18,8 g; Energy/ Năng lượng 189,8 kcal

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản ở nhiệt độ thường, tại nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần nơi có chuột, bọ, côn trùng.

Không dùng khi sản phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc hư hỏng bao bì như rách, xẹp, căng phồng, mốc,...

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì
Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ NSX.

Sản xuất theo số TCCS 34.2020/MS101

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

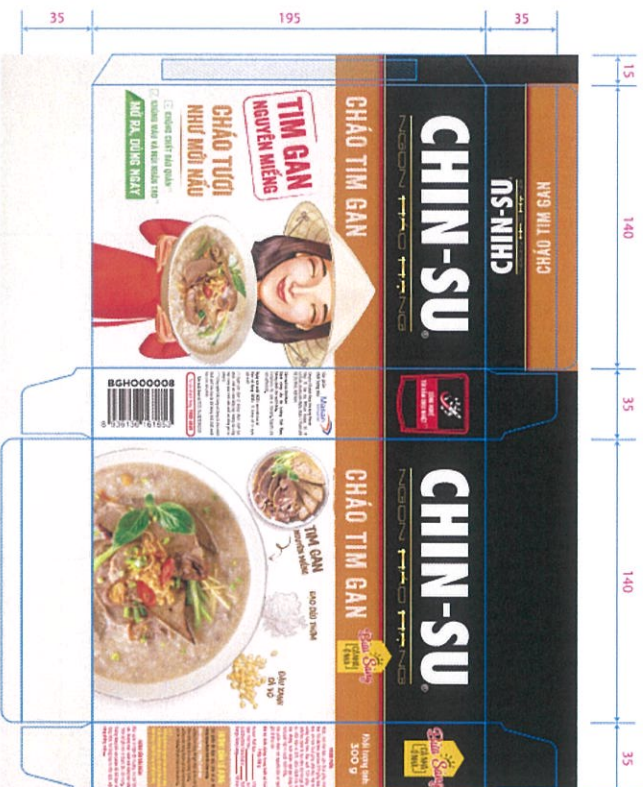
Sản phẩm đã được nấu chín và có thể dùng ngay. Ngon hơn khi hâm nóng.

Hâm nóng bằng 1 trong 2 cách sau:

- Bằng lò vi sóng: Mở gói cháo và cho vào tô. Hâm nóng bằng lò vi sóng trong 1 phút.
- Bằng nước nóng: Ngâm gói cháo trong nước sôi 3 - 5 phút. Mở gói cháo và cho vào tô.

Lưu ý:

- Không bỏ trực tiếp gói cháo vào lò vi sóng
- Cần thận khi tiếp xúc với sản phẩm sau khi hâm nóng vì nhiệt độ cao có thể gây bỏng



Sản phẩm chất lượng của **Masan consumer**

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan Tầng 12, tòa nhà Mplaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tư vấn khách hàng: **1800 6068**

Khối lượng tịnh: **300 g**

Sản xuất tại Việt Nam
 Danh riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.
 Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.
 Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì
 Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

THÀNH PHẦN:

Nước, ruột non heo, gạo 56,6 g/kg, huyết heo, thịt dái heo, gan heo 29,8 g/kg, bao tử heo, tim heo 24,6 g/kg, phổi heo, thịt heo, cướng họng heo, đậu xanh 13,9 g/kg, lá lách heo, hành lá, hạt nêm, bột thịt gà, dầu cò, chất điều vị (621, 635), hành tím, bột tiêu, đường, nước mắm, ngò gai, húng lủi, húng quế, ngò ri, muối, mắm tôm.

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ thủy sản

Giá trị dinh dưỡng trung bình có trong 1 hộp 300 g:

Protein/ Chất đạm	13,8 g
Lipid/ Chất béo	6,6 g
Carbohydrate/ Carbohydrat	18,8 g
Energy/ Năng lượng	189,8 kcal

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Sản phẩm đã được nấu chín và có thể dùng ngay. Ngon hơn khi hâm nóng.

- Hâm nóng bằng 1 trong 2 cách sau:
- Bằng lò vi sóng: Mở gói cháo và cho vào tô. Hâm nóng bằng lò vi sóng trong 1 phút.
 - Bằng nước nóng: Ngâm gói cháo trong nước sôi 3 - 5 phút. Mở gói cháo và cho vào tô.

Lưu ý:

- Không bỏ trực tiếp gói cháo vào lò vi sóng
- Cần thận khi tiếp xúc với sản phẩm sau khi hâm nóng vì nhiệt độ cao có thể gây bỏng

CHIN-SU
 NGON + KHO + TINNG
CHÁO TIM GAN
BGH000008

 8 936136 161853

GẠO ĐÉO THƠM ĐẬU XANH GÀ VỎ



Mã kiểm soát AW:
 BGH000008.34.2020.MS101
 Ver: 01. Ngày thiết kế: 16/7/2020

TIM GAN NGUYÊN MIẾNG

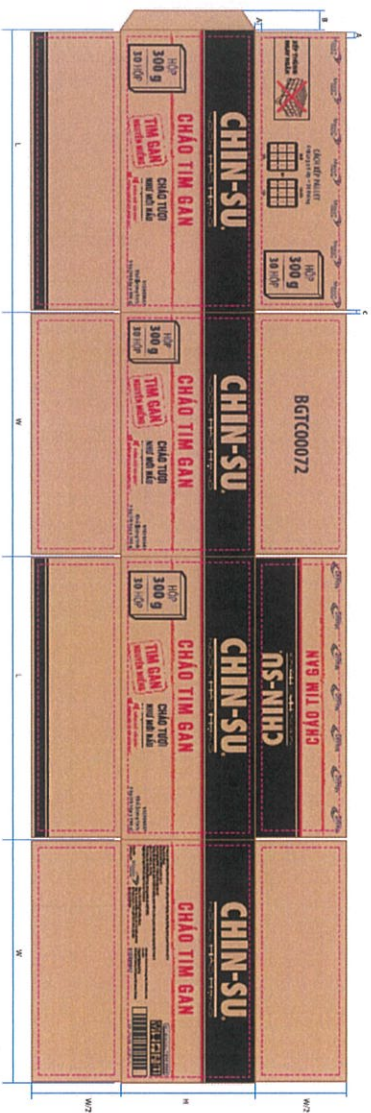
CHÁO TƯỚI NHƯ MỚI NẤU

- KHÔNG CHẤT BẢO QUẢN (*)
- KHÔNG MÀU VÀ MÙI NHÂN TẠO (*)
- MỞ RA, DÙNG NGAY**

(*) Được xác định là không thêm chất bảo quản, chất tạo màu tổng hợp, hương liệu tổng hợp trong quá trình sản xuất và đóng gói tại công ty.
 (**) Công nghệ tiệt trùng sử dụng túi chịu nhiệt. Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

Sản xuất theo số TCCS 34.2020/MS101

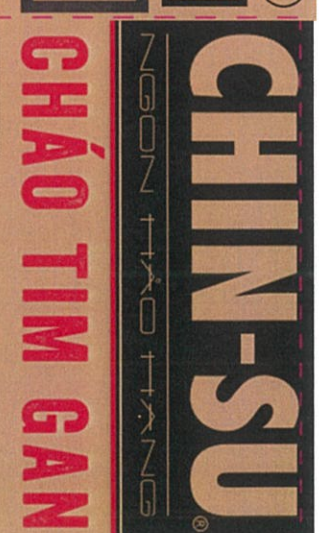
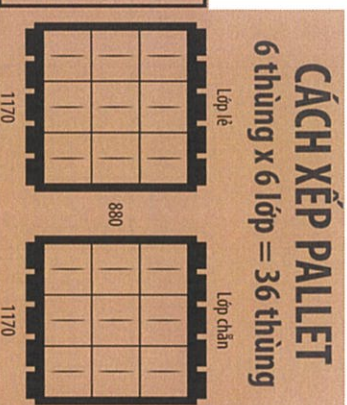
HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:
 Bảo quản ở nhiệt độ thường, tại nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần nơi có chuột, bọ, côn trùng. Không dùng khi sản phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc hư hỏng bao bì như rách, xé, căng phồng, mốc,....



Chiều dài (L)	Chiều rộng (W)	Chiều cao (H)
440	380	210
Khoảng cách nắp (C)	Khoảng cách artwork (A)	Độ rộng mép dán (B)
5	10	30

Mã kiểm soát AW thùng: BGTCC00072.34.2020.MS101
Ver: 01. Ngày thiết kế: 9/7/2020

BGTCC00072



(*): Được xác định là không thêm chất bảo quản, chất tạo màu tổng hợp, hương liệu tổng hợp trong quá trình sản xuất và đóng gói tại công ty.

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, tại nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần nơi có chuột, bọ, côn trùng.

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.

Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Sản phẩm
chất lượng của

Masan
consumer

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Tầng 12, tòa nhà MPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, phường
Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Sản xuất tại Việt Nam

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

Tổng khối lượng: 9,5 kg
Kích thước thùng: 440 mm x 380 mm x 210 mm
01CH00047

KHÔNG CHẤT BẢO QUẢN (*)
 KHÔNG MÀU VÀ MÙI NHÂN TẠO (*)

TIM GAN
NGUYỄN MIẾNG

01CH00047
Khối lượng tịnh:
9 kg (30 hộp x 300 g)

CHẢO TƯƠI
NHƯ MỚI NẤU



Số: **013961** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11082.20



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Địa chỉ : TẦNG 12, TÒA NHÀ MPLAZA SAIGON, SỐ 39 LÊ DUẬN, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CHÁO TIM GAN CHIN-SU
Ngày lấy mẫu : 12/06/2020
Lượng mẫu : 02 gói x 300 g
Ngày nhận mẫu : 12/06/2020
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Carbohydrate	Ref. AOAC 986.25	6,25 g/100g	14/06/2020
2	Lipid	AOAC 922.06	2,21 g/100g	12/06/2020
3	Năng lượng	Regulation (EU) No 1169/2011	63,41 kcal/100g	14/06/2020
4	Protein	HD.PP.13/TT.LH:2016 (Ref. AOAC 991.20) (b)	4,63 g/100g (N×6,25)	13/06/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao nhôm ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **13-07-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



T.S. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **013985** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11153.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Địa chỉ : TẦNG 12, TÒA NHÀ MPLAZA SAIGON, SỐ 39 LÊ DUẨN, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CHÁO TIM GAN CHIN-SU
Ngày lấy mẫu : 12/06/2020
Lượng mẫu : 02 gói x 300 g
Ngày nhận mẫu : 12/06/2020
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (b)	< 10 CFU /g	15/06/2020
2	Coliforms	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) (b)	< 10 CFU /g	15/06/2020
3	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 966.24 (b)	< 3 MPN /g	15/06/2020
4	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (b)	< 10 CFU /g	15/06/2020
5	<i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31 (b)	< 10 CFU /g	15/06/2020
6	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30 (b)	< 10 CFU /g	15/06/2020
7	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 (b)	< 10 CFU /g	15/06/2020
8	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (b)	< 10 CFU /g	15/06/2020

Mã số mẫu: 11153.20

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong gói nhôm ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 3 MPN /g ; < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **13 -07- 2020**

**TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **013986** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11154.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Địa chỉ : TẦNG 12, TÒA NHÀ MPLAZA SAIGON, SỐ 39 LÊ DUẨN, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CHÁO TIM GAN CHIN-SU
Ngày lấy mẫu : 12/06/2020
Lượng mẫu : 01 gói x 300 g
Ngày nhận mẫu : 12/06/2020
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Salmonella spp.	AOAC 967.27 (b)	Không phát hiện /25g	15/06/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong gói nhôm ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **13-07-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **013962** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11083.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Địa chỉ : TẦNG 12, TÒA NHÀ MPLAZA SAIGON, SỐ 39 LÊ DUẨN, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CHÁO TIM GAN CHIN-SU
Ngày lấy mẫu : 12/06/2020
Lượng mẫu : 01 gói x 300 g
Ngày nhận mẫu : 12/06/2020
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Acid Benzoic (INS 210)	HD.PP.01/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 5 mg/kg	15/06/2020
2	Acid Sorbic (INS 200)	HD.PP.01/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 5 mg/kg	15/06/2020
3	Nitrit	HD.PP.07/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 5 mg/kg	13/06/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao nhôm ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **13-07-2020**
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Hoàng Hoài Phương



Số: **013963** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11084.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Địa chỉ : TẦNG 12, TÒA NHÀ MPLAZA SAIGON, SỐ 39 LÊ DUẨN, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CHÁO TIM GAN CHIN-SU
Ngày lấy mẫu : 12/06/2020
Lượng mẫu : 01 gói x 300 g
Ngày nhận mẫu : 12/06/2020
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Định danh phẩm màu hữu cơ tổng hợp tan trong nước	TCVN 5517 - 1991 (b)	Không tìm thấy	13/06/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao nhôm ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- Phẩm màu hữu cơ tổng hợp tan trong nước gồm: Vàng Tartrazin, Vàng Quinolin, Vàng Sunset FCF, Carmoisine, Đỏ Amaranth, Đỏ Ponceau 4R, Đỏ Erythrosin, Đỏ 2G, Đỏ Allura AC, Indigotin, Xanh Brilliant FCF, Đen Brilliant PN, Nâu HT, Ester Metyl (hoặc Etyl) của axit Beta-Apo-8'-Carotenic, Xanh lục bền (FCF).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **13-07-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh

KT3-04881ATP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

09/07/2020
Page 01/01

1. Tên mẫu : **CHÁO TIM GAN CHIN-SU**
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Sample description
 Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 12/06/2020
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 15/06/2020 – 18/06/2020
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**
Tầng 12, Tòa Nhà MPlaza Sai Gon, 39 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp. HCM
Customer
7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg <i>Aflatoxin B1 content</i>	AOAC 2016 (991.31)	0,25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng aflatoxin tổng (B1 + B2 + G1 + G2), µg/kg <i>Total aflatoxin content</i>	AOAC 2016 (991.31)	B1=G1: 0,25 B2=G2: 0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg <i>Ochratoxin A content</i>	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2000.03))	0,3	Không phát hiện <i>Not detected</i>

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. / *Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*